PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách

Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách",[1]

---

[1] Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015."

Điều 1.[2] Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015.

Mã số đăng ký: Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT.

Điều 2.[3] Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013; bãi bỏ Chương II. Quy định về Bến xe tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 3.[4] Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và các trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 01/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2016

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Trường

---

[2] Điều 1 của Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015.*

Mã số đăng ký: Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT."

[3] Điều 2 của Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016."*

[4] Điều 3 của Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."*

QCVN 45:2012/BGTVT
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ BẾN XE KHÁCH
National technical reguiation on Bus station

Lời nói đầu[5]

QCVN 45:2012/BGTVT do Tổng cục Đường bộ Việt Nam soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012.

[5] Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 quy định như sau:

*"**Lời nói đầu***

Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015) do Tổng cục Đường bộ Việt Nam soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015.

Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT chỉ bao gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung của QCVN 45:2012/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách) được ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012.

Những nội dung không được nêu trong Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT thì áp dụng theo QCVN 45:2012/BGTVT."

Mục lục

I. QUY ĐỊNH CHUNG
1.1. Phạm vi điều chỉnh
1.2. Đối tượng áp dụng
1.3. Tài liệu viện dẫn
1.4. Giải thích từ ngữ
II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT
2.1. Quy định chung
2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản
2.2.1. Công trình dịch vụ thương mại
2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình
2.3.1. Phân loại bến xe khách
2.3.2. Quy định về khu vực bán vé
2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách
2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách
2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách
2.3.6. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát
2.3.7. Quy định về khu vệ sinh
2.3.8. Quy định về cung cấp thông tin
2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước
2.3.10. Quy định về phòng cháy, nổ
2.4. Quy định về bảo vệ môi trường
III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ
3.1. Nội dung quản lý
3.1.1. Quy định về loại hình đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách
3.1.2. Quy định về thủ tục công bố đưa bến xe vào khai thác
3.1.3. Quy định về quy trình giải quyết cho xe ra vào bến
3.1.4. Quy định về kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bến xe khách
3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước
3.2.1. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam
3.2.2. Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW
3.2.3. Trách nhiệm của Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
3.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác bến xe khách
3.4. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải tại bến xe khách
3.5. Trách nhiệm của hành khách tại bến xe khách
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ BẾN XE KHÁCH
National technical regulation on Bus station

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu trong việc lập quy hoạch, đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác bến xe khách.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe khách; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, kiểm chuẩn công bố bến xe khách đủ điều kiện hoạt động và quy hoạch hệ thống bến xe khách trong phạm vi nước Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

- QCXDVN 01:2002.	"Quy chuẩn xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng" được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2002/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2002 của Bộ Xây dựng.
- QCXDVN 05:2008/BXD	"Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe" được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng.
- QCVN 01:2009/BYT	"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống" được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.
- QCVN 02:2009/BYT	"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt" được ban hành theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.
- QCVN 07:2010/BXD	"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị" được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng.
- QCVN 06:2010/BXD	"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình" được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

- TCVN 2622:1995	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế do Bộ Xây dựng công bố năm 1995.
- TCVN 5729:1997	Đường ô tô cao tốc - Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 1997
- TCXDVN 264:2002	Nhà và công trình - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng do Bộ Xây dựng công bố năm 2002.
- TCXDVN 276:2003	"Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế" được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2003/QĐ-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2003 của Bộ Xây dựng.
- TCVN 4054:2005	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2005.
- TCVN 5687:2010	Thông gió, điều tiết không khí - Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2010. Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và công nghệ công bố năm 2011.
- TCVN 4530:2011	Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2011.
- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT	Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Giải thích từ ngữ

1.4.1.[6] Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

1.4.2. Đường xe ra, vào bến là đường đấu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào bến xe khách.

1.4.3. Vị trí đón, trả khách là khu vực đỗ xe để hành khách lên xe hoặc xuống xe trong phạm vi bến xe khách, diện tích dành cho 1 vị trí đỗ xe khách là 40 m^2 (theo QCVN 07:2010/BXD).

1.4.4. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách là nơi dành cho xe ô tô khách đỗ xe để chờ vào vị trí đón hành khách.

---

[6] Mục này được sửa đổi bởi mục 1.4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

1.4.5. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác là nơi trông giữ các phương tiện cá nhân tại bến xe khách.

1.4.6. Phòng chờ cho hành khách là khu vực có bố trí ghế để hành khách ngồi trong thời gian chờ mua vé hoặc chờ lên xe.

1.4.7. Hệ thống cung cấp thông tin là hệ thống loa phát thanh, bảng thông báo và các trang thiết bị nghe, nhìn khác trong bến xe khách.

1.4.8. Tài chuyến là các chuyến xe xuất bến được xác định bởi số thứ tự hoặc giờ xuất bến tại mỗi bến xe để phục vụ cho công tác quản lý của bến xe khách.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.1.1. Bến xe khách phải được xây dựng theo Quy hoạch bến xe khách đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2.1.2. Bến xe khách chỉ được đưa vào khai thác sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

2.1.3. Điểm đấu nối của đường ra, vào bến xe với đường quốc lộ phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải. Điểm đấu nối của đường ra, vào bến xe với các đường khác (trừ đường quốc lộ) phải được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2.1.4. Đường ra, vào bến xe khách phải được thiết kế theo các quy định của TCVN 4054:2005 hoặc tương đương, bảo đảm lưu thông thuận tiện, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện ra, vào và với người đi bộ.

2.1.5. Đường lưu thông dành cho xe cơ giới trong bến xe khách phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp, nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10 m tính theo tim đường được quy định tại QCVN 07: 2010/BXD để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực bến xe khách.

2.1.6. Các công trình và lối đi lại trong khu vực bến xe khách phải đáp ứng các quy định tại QCXDVN 01:2002 để bảo đảm người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

2.1.7. Bến xe khách phải bảo đảm thực hiện được các chức năng cơ bản sau:

a) Cung cấp các dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến xe khách;

b) Cung cấp các dịch vụ phục vụ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, hành khách và phương tiện.

2.1.8. Bến xe khách phải được xây dựng phù hợp với các quy định tương ứng với từng loại bến xe khách được quy định tại Quy chuẩn này.

2.1.9. Các công trình, các thiết bị của bến xe khách phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định tại TCXDVN 276:2003 và các quy định liên quan khác; bảo đảm trật tự, an toàn cho hành khách, hàng hóa và phương tiện trong khu vực bến xe khách.

2.1.10. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy của bến xe khách phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định để có thể cung cấp an toàn, liên tục và ổn định các dịch vụ cho người và phương tiện tham gia giao thông theo quy định tại QCVN 07:2010/BXD và TCXDVN 276:2003.

2.1.11.[7] Các bến xe khách từ loại 1 đến loại 6 phải được công bố công suất của bến xe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản

Các hạng mục công trình cơ bản của bến xe khách được chia làm hai nhóm gồm: Các công trình bắt buộc phải có và các công trình dịch vụ thương mại.

2.2.1. Các công trình bắt buộc phải có:

a) Khu vực đón, trả khách;

b) Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách;

c) Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác;

d) Phòng chờ cho hành khách;

đ) Khu vực làm việc của bộ máy quản lý;

e) Khu vực bán vé;

g) Khu vệ sinh.

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại: Khuyến khích xây dựng

a) Trung tâm thương mại;

b) Khách sạn, nhà nghỉ;

c) Nhà hàng phục vụ ăn uống, giải khát;

d) Khu vực cung cấp các dịch vụ vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe;

đ) Trạm cấp nhiên liệu;

e) Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;

g) Nơi rửa xe;

h) Nhà để xe nhiều tầng (cao tầng hoặc âm tầng hoặc cả 2);

i) Trung tâm dịch vụ đăng kiểm xe cơ giới.

---

[7] Mục này được bổ sung bởi mục 2.1.11 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

2.3.1.[8] Phân loại bến xe khách.

Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1% tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt		chung (rộng tối thiểu 7,5 m)			

[8] Mục này được sửa đổi bởi mục 2.3.1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che					
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng					
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn				
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe				

2.3.2. Quy định về khu vực bán vé:

a) Vị trí khu vực bán vé bảo đảm hành khách dễ nhận biết, thuận tiện cho hành khách đến mua vé và ra vị trí xe đón khách; phía trước khu vực bán vé phải có biển hiệu "Khu vực bán vé" bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Đơn vị khai thác bến xe khách quy định thống nhất về kiểu dáng và kết cấu của các quầy bán vé trong phạm vi bến xe khách. Diện tích tối thiểu của mỗi quầy bán vé là 2 m^2;

c) Tại mỗi quầy bán vé, đơn vị vận tải phải niêm yết thông tin về chất lượng dịch vụ đã đăng ký (hoặc đã được công bố) và các thông tin cần thiết khác cho hành khách.

2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách:

a) Khu vực xe đón khách phải được bố trí gần với khu vực phòng chờ và khu vực bán vé để bảo đảm thuận tiện cho hành khách đi xe;

b) Khu vực xe đón khách phải có biển hiệu chỉ dẫn để bảo đảm hành khách đi xe dễ dàng nhận biết đúng vị trí xe chờ đón khách;

c) Khu vực trả khách phải bố trí riêng biệt với khu vực đón khách, thuận tiện cho hành khách đến phòng chờ hoặc đi ra khỏi khu vực bến xe khách và gần với các điểm dừng đón khách của các loại hình vận tải khách công cộng có kết nối với bến xe khách;

d) Các vị trí cho xe đỗ để đón, trả khách phải được phân định rõ bằng vạch sơn.

Đối với các bến xe khách có tuyến quốc tế phải bố trí khu vực riêng cho xe vận chuyển khách trên các tuyến quốc tế đón, trả khách và phải có biển hiệu "Khu vực đón, trả khách Quốc tế" bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Đối với các bến xe khách có tuyến xe buýt, taxi hoạt động trong khu vực bến, bến xe phải bố trí khu vực dành riêng cho xe buýt, xe taxi đón, trả khách. Diện tích khu vực này không được tính vào diện tích tối thiểu của bến xe khách quy định cho từng loại bến tại Quy chuẩn này.

2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách:

a) Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý, phù hợp với quy mô diện tích và không gian của bến xe khách để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, bảo đảm an toàn, thuận tiện;

b) Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô khách là 40 m^2. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe (theo QCVN 07:2010/BXD).

2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách:

a) Phòng chờ cho hành khách phải được bố trí gần khu vực bán vé và khu vực xe đón khách. Đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 2 phải tổ chức, bố trí khu vực phòng chờ dành riêng cho hành khách đã mua vé;

b) Có bố trí ghế ngồi cho hành khách theo quy định đối với từng loại bến xe khách. Ghế ngồi phải được đặt cố định và bảo đảm tính hài hòa, thẩm mỹ, có lối đi lại giữa các hàng ghế;

c) Phải có lối đi liên thông với khu vực bán vé và khu vực xe đón, trả khách;

d) Phải có hệ thống đèn chiếu sáng và biển chỉ dẫn "Lối ra xe" để chỉ dẫn hành khách ra khu vực xe đón khách;

2.3.6. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát:

a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho hành khách và lái xe phải được bố trí một khu vực riêng hoặc được ngăn cách bằng vách ngăn lửng với các khu vực khác;

b) Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường;

c) Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ hành khách ăn uống được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt;

d) Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;

đ) Khu vực phục vụ ăn uống phải được thông gió tự nhiên và trang bị hệ thống quạt mát, quạt hút mùi. Tùy theo yêu cầu cụ thể của từng trường hợp có thể thông gió bằng phương pháp cơ giới và thiết bị điều hòa nhiệt độ theo quy định tại TCVN 5687:2010;

e) Khu vực ăn uống phải bảo đảm luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường; các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.3.7. Quy định về khu vệ sinh:

a) Phải có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết bảo đảm thuận tiện cho khách sử dụng. Vị trí bố trí không ảnh hưởng đến môi trường của các khu vực khác trong bến xe khách. Khu vệ sinh phải bố trí vệ sinh nam, nữ riêng và bảo đảm người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng; nơi vệ sinh dành cho người khuyết tật phải có biển báo theo quy ước quốc tế;

b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ, số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải theo quy định tại TCXDVN 276:2003;

c) Khu vệ sinh phải được thông gió tự nhiên trực tiếp; nếu thông gió tự nhiên không đáp ứng yêu cầu thì phải dùng thông gió cơ giới theo quy định tại TCVN 5687:2010;

d) Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh;

đ) Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên lắp đặt bàn, gương, móc treo;

e) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để nước ứ đọng trên nền trong khu vệ sinh.

2.3.8. Quy định về hệ thống cung cấp thông tin:

a) Tại khu vực phòng chờ cho hành khách và khu vực bán vé của bến xe khách phải có hệ thống cung cấp thông tin tối thiểu gồm: hệ thống phát thanh và bảng thông tin chỉ dẫn cố định (hoặc màn hình điện tử); đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 4 ngoài bảng thông tin chỉ dẫn cố định phải bố trí màn hình điện tử;

b) Nội dung thông tin cung cấp theo từng tuyến gồm: biển kiểm soát xé, đơn vị vận tải, hành trình, biểu đồ chạy xe, giá vé, chất lượng dịch vụ vận tải, thông tin về hành lý thất lạc và các thông tin cần thiết khác;

c) Đối với bến xe khách có tuyến vận tải quốc tế phải cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a, b Mục này bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Hệ thống phát thanh phải bảo đảm cho mọi người đang ở trong khu vực bến xe khách có thể nghe rõ mọi thông tin phát qua hệ thống;

đ) Phải có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của hành khách.

2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước:

a) Hệ thống cấp nước cho bến xe khách phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của bến xe khách;

b) Trong trường hợp bến xe khách tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì: chất lượng nước phục vụ cho ăn uống phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01:2009/BYT và chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 02:2009/BYT;

c) Hệ thống thoát nước của bến xe khách bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương;

d) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của bến xe khách.

2.3.10. Quy định về phòng cháy, nổ:

a) Bến xe khách phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng và chống cháy, nổ theo đúng quy định tại QCVN 06:2010/BXD và TCVN 2622:1995; Trường hợp trong bến xe khách có trạm cấp nhiên liệu, việc thiết kế, xây dựng và hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải tuân thủ đúng theo quy định tại TCVN 4530:2011;

b) Cán bộ công nhân viên của bến xe khách phải được tập huấn nghiệp vụ về phòng và chống cháy, nổ;

c) Niêm yết quy định về phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe khách.

2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

2.4.1. Bến xe khách phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định.

2.4.2. Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.

2.4.3. Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để bảo đảm vệ sinh môi trường.

2.4.4.[9] Đối với bến xe khách có xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô phải bố trí khu vực riêng và đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.4.5. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực bến xe khách.

2.4.6.[10] Bến xe khách trong nằm trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Nội dung quản lý

3.1.1. Quy định về loại hình đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách.

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

3.1.2. Quy định về thủ tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

3.1.2.1. [11] Thủ tục công bố lần đầu

a) Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính);

b) Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT;

---

[9] Mục này được sửa đổi bởi mục 2.4.4 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

[10] Mục này được bổ sung bởi mục 2.4.4 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

[11] Mục này được sửa đổi bởi mục 3.1.2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.

- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

c) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác có giá trị trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

3.1.2.2. Thủ tục công bố lại:

a) Đơn vị khai thác bến xe khách phải làm hồ sơ và nộp cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có bến xe khách để đề nghị công bố, xếp loại lại bến xe khách trong các trường hợp:

- Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;

- Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

b)[12] Hồ sơ đề nghị công bố lại bao gồm:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT.

---

[12] Điểm này được sửa đổi bởi điểm b, mục 3.1.2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Biện bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

3.1.3.[13] Áp dụng quy trình đảm bảo an toàn giao thông và giải quyết cho xe ra, vào bến xe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

3.1.4. Quy định về kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bến xe khách:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, khai thác bến xe khách chịu trách nhiệm duy trì các tiêu chí quy định tại Quy chuẩn này. Khi tiến hành cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách phải báo cáo với Sở Giao thông vận tải để kiểm tra công bố lại bến xe khách theo quy định;

b) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách trên địa bàn địa phương báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động, tình hình an ninh trật tự, việc duy trì, đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn này và các nội dung cần thiết khác;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, lực lượng Thanh tra đường bộ tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động của bến xe khách, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính nhằm đảm bảo các bến xe khách luôn duy trì và thực hiện đúng các quy định của Quy chuẩn này và các quy định pháp luật liên quan khác;

d) Cơ quan có thẩm quyền công bố đưa bến xe khách vào khai thác định kỳ 3 năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động; việc chấp hành các quy định của đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách; việc duy trì các điều kiện phân loại bến xe khách theo Quy chuẩn này. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố xếp loại lại bến xe khách;

đ) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổ chức kiểm tra việc xếp loại công bố bến xe khách theo Quy chuẩn này của Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp kết luận kiểm tra có sự khác biệt về loại bến xe khách so

---

[13] Mục này được sửa đổi bởi mục 3.1.3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

với loại bến đã công bố, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện việc công bố xếp loại lại bến xe khách cho phù hợp với kết luận kiểm tra của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3.1.5.[14] Lộ trình áp dụng phần mềm quản lý bến xe:

a) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, bến xe khách từ loại 1, loại 2 phải trang bị phần mềm quản lý bến xe và hệ thống camera giám sát;

b) Từ ngày 31 tháng 12 năm 2016, bến xe khách loại 3, loại 4 phải trang bị phần mềm quản lý bến xe.

3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước

3.2.1. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của bến xe khách trong phạm vi toàn quốc;

b) Quy định và hướng dẫn cách ghi mã số bến xe khách thống nhất trong toàn quốc;

c) Ban hành các loại biểu mẫu dùng cho công tác thống kê, báo cáo về hoạt động của bến xe khách; ban hành hợp đồng mẫu giữa đơn vị vận tải và bến xe khách;

d) Thống kê, tổng hợp các dữ liệu về hệ thống bến xe khách trong toàn quốc;

đ) Xây dựng phần mềm quản lý bến xe khách; chuyển giao và hướng dẫn cho các bến xe khách và các Sở Giao thông vận tải thực hiện theo lộ trình quy định khi phần mềm được xây dựng xong;

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý các vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị quản lý, đơn vị khai thác bến xe khách trong toàn quốc.

3.2.2. Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Phê duyệt Quy hoạch hệ thống bến xe khách trên địa bàn địa phương. Trước khi quyết định phê duyệt Quy hoạch hoặc điều chỉnh Quy hoạch phải có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải;

b) Xác định và quản lý quỹ đất dành cho dự án xây dựng bến xe khách theo quy hoạch đã được phê duyệt;

c) Thống nhất tổ chức và quản lý bến xe khách phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và yêu cầu đặc thù của địa phương.

3.2.3. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a) Xây dựng Quy hoạch hệ thống bến xe khách trên địa bàn địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

---

[14] Mục này được sửa đổi bởi 3.1.5 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

b)[15] Thực hiện công bố và công bố lại việc đưa bến xe khách vào khai thác, công bố tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bến xe khách trên địa bàn địa phương; Trường hợp tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động bến xe khách thì phải công bố trước thời điểm bến xe khách tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động tối thiểu 90 ngày. Văn bản công bố phải đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của các bến xe khách trên địa bàn địa phương;

d) Chỉ đạo các bến xe khách trên địa bàn thực hiện áp dụng phần mềm quản lý bến xe khách và kết nối theo lộ trình quy định;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác bến xe khách trên địa bàn địa phương.

e)[16] Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương xây dựng các tiêu chí cho bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 đối với các bến xe khách thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, ban hành.

3.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác bến xe khách

3.3.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Đầu tư xây dựng bến xe khách phù hợp với quy hoạch hệ thống bến xe khách đã được phê duyệt và phù hợp với các quy định của Quy chuẩn này;

b) Đầu tư xây dựng bến xe khách phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình và bảo vệ môi trường.

3.3.2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác bến xe khách:

a) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô;

b) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng và chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường trong bến xe khách; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh trong phạm vi bến xe khách;

c) Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của bến xe khách, thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về bến xe khách;

---

[15] Điểm này được sửa đổi bởi điểm b, mục 3.2.3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

[16] Điểm này được sửa đổi bởi điểm e, mục 3.2.3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

d) Thực hiện việc ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải tại bến xe khách;

đ) Niêm yết nội quy của bến xe khách và hình thức xử lý, chế tài kèm theo khi vi phạm nội quy của bến xe khách;

e) Thực hiện áp dụng phần mềm quản lý bến xe khách và kết nối theo lộ trình quy định;

g) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động của bến xe khách theo yêu cầu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương.

3.4. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải tại bến xe khách

3.4.1. Các đơn vị vận tải trước khi hoạt động tại bến xe khách phải tiến hành ký kết hợp đồng và thực hiện nghiêm túc hợp đồng đã ký kết với bến xe khách;

3.4.2. Chấp hành các nội quy, quy định, quy trình giải quyết cho xe ra, vào bến của đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách và những quy định pháp luật liên quan khác.

3.5. Trách nhiệm của hành khách tại bến xe khách

3.5.1. Giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe khách;

3.5.2. Chấp hành nội quy, quy định và hướng dẫn của nhân viên bến xe khách.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét sửa đổi, bổ sung.

4.3. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng.

4.4.[17] Các bến xe khách đã công bố trước ngày 01 tháng 7 năm 2013, phải bổ sung bản vẽ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông điểm đấu nối bảo đảm an toàn giao thông thay cho văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe

[17] Mục này được sửa đổi bởi mục 4.4 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền; Giấy chứng nhận kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác bến xe hoặc Quyết định thành lập bến xe khách thay cho Quyết đinh cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng để công bố lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4.5.[18] Việc công bố công suất của bến xe thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định./.

[18] Mục này được sửa đổi bởi mục 4.5 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

PHỤ LỤC 1

..... (2).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách..... (3) ..... Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....
- Địa chỉ: (4).....
- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị....(1)..... công bố Bến xe khách..... (3)..... đạt quy chuẩn Bến xe loại:..... (6)..... và được đưa vào khai thác..... (2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:	**Đại diện đơn vị**
- Như trên;	(Ký tên, đóng dấu)
- Lưu...	

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
(3) Ghi tên bến xe khách.
(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.
(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách.
(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Phụ lục 2.[19]

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m^2		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m^2		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			

[19] Phụ lục này được sửa đổi bởi Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra; vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
(3) Ghi tên bến xe.
(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố.

PHỤ LỤC 3

..... (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-....	*....., ngày..... tháng.... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa bến xe khách vào khai thác

(2)

Căn cứ QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của..... (2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách: (1) ..... Mã số:.....
- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách:.....
- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....
- Diện tích phòng chờ cho hành khách:.....

.....(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

Thủ trưởng...(2)....

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi

(1) Ghi tên bến xe khách.

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.

(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách.

PHỤ LỤC 4

.....(2).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày... tháng.... năm....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:..... (2): .....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng... năm... của....(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị.... (1)..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách.... (3).... đạt loại:..... (4):..... vào khai thác...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:	**Đại diện đơn vị**
- Như trên;	(Ký tên, đóng dấu)
- Lưu...	

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.

(3) Ghi tên bến xe khách.

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.